

TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA

PHẠM BÍCH HUYỀN*

Tóm tắt: Hoạt động khởi nghiệp đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Chính vì vậy, chiến lược phát triển của nhiều quốc gia đã chú trọng đẩy mạnh giáo dục khởi nghiệp, đặc biệt trong các trường đại học. Đối với đào tạo ngành Quản lý văn hóa ở nước ta hiện nay, giáo dục khởi nghiệp đang trở thành vấn đề cấp thiết để phục vụ nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững đất nước cũng như để hỗ trợ, thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa. Bài viết phân tích vai trò và khảo sát thực trạng giáo dục khởi nghiệp trong đào tạo ngành Quản lý văn hóa, từ đó, đề xuất giải pháp tăng cường giáo dục khởi nghiệp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo cũng như góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển của đất nước.

Từ khóa: khởi nghiệp, giáo dục khởi nghiệp, đào tạo, quản lý văn hóa.

Abstract: Entrepreneurial activity is playing an increasingly vital role in economic, cultural, and social development. Consequently, the development strategies of many nations have emphasized promoting entrepreneurship education, especially within universities. For Cultural Management training in Vietnam today, entrepreneurship education is becoming an urgent issue to serve the task of building and developing Vietnamese culture and people, meeting the needs of sustainable national development, as well as supporting and promoting cultural industries. This article analyzes the role and surveys the current state of entrepreneurship education in Cultural Management training, thereby proposing solutions to enhance entrepreneurship education to improve the quality and effectiveness of training, and contribute to achieving the country's development goals.

Keywords: entrepreneurship, entrepreneurship education, training, cultural management.

1. Khởi nghiệp, năng lực khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp

Khởi nghiệp: là “Hành động dựa trên các cơ hội và ý tưởng, biến đổi chúng thành giá trị tài chính, văn hóa, hoặc xã hội cho những người khác” (1). Như vậy khởi nghiệp nhấn mạnh vào các hoạt động thực tiễn tạo ra giá trị, mang lại lợi ích đa dạng cho xã hội bằng cách nắm bắt cơ hội thương mại trên thị trường, phát triển ý tưởng sáng tạo và hiện thực hóa ý tưởng như cải tiến quy trình, phương pháp sản xuất, kinh doanh hiện có hoặc tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mới, có chất lượng và khả năng tiếp cận thị trường.

Năng lực khởi nghiệp: là các năng lực mà một người cần có để trở thành doanh nhân, nghĩa là có thể tự kinh doanh hoặc tạo lập một công ty khởi nghiệp. Theo quan điểm của Liên minh châu Âu (EU), “Năng lực khởi nghiệp đề cập đến khả năng

hành động dựa trên các cơ hội và ý tưởng, biến đổi chúng thành những giá trị cho người khác. Nó dựa trên sự sáng tạo, suy nghĩ phê phán và giải quyết vấn đề, chủ động, kiên trì và khả năng hợp tác để có thể lập và quản lý các dự án mang lại giá trị văn hóa, xã hội hoặc tài chính” (2). Theo hướng tiếp cận của giáo dục hiện đại, năng lực khởi nghiệp là sự tổng hòa của 3 yếu tố: kiến thức, kỹ năng và thái độ để có thể đảm bảo đầy đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của chủ thể khởi nghiệp. EU khẳng định năng lực khởi nghiệp được hình thành từ 3 nhân tố chính là: nắm bắt cơ hội và phát triển các ý tưởng, huy động và sử dụng thông minh các nguồn tài nguyên và biến đổi ý tưởng thành hành động (3).

Giáo dục khởi nghiệp (GDKN): theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), GDKN được định nghĩa là: “Tất cả các hoạt động nhằm thúc đẩy tư duy, thái độ và kỹ năng khởi nghiệp, bao gồm

nhieu khía cạnh như hình thành ý tưởng, khởi nghiệp, tăng trưởng và đổi mới. Giáo dục khởi nghiệp liên quan đến việc phát triển những phẩm chất cá nhân nhất định, không nhất thiết phải trực tiếp tập trung vào việc tạo ra các doanh nghiệp mới” (4). Ngân hàng Thế giới (WB) coi GDKN là: “Giáo dục và đào tạo học thuật hoặc chính quy nhằm mục tiêu cung cấp cho các cá nhân tư duy và kỹ năng khởi nghiệp để hỗ trợ sự tham gia và thực hiện các hoạt động khởi nghiệp” (5).

Như vậy, GDKN là các hoạt động giáo dục nhằm phát triển năng lực khởi nghiệp - trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thúc đẩy và hỗ trợ người học tìm tòi, sáng tạo, áp dụng ý tưởng khởi nghiệp và triển khai, thực hiện khởi sự doanh nghiệp, tạo ra giá trị cho bản thân và cộng đồng. Có thể hiểu GDKN là giáo dục về khởi nghiệp và giáo dục cho khởi nghiệp. Nói cách khác, khởi nghiệp vừa là mục tiêu, vừa là nội dung và phương thức đào tạo của GDKN. Nội hàm của GDKN có phạm vi rộng, không giới hạn ở việc tạo lập và vận hành các công ty hay doanh nghiệp khởi nghiệp mà chú trọng toàn diện đến mục tiêu phát triển các nhà khởi nghiệp - hình thành và thúc đẩy những phẩm chất, năng lực giúp các chủ thể tham gia vào hoạt động khởi nghiệp ở nhiều cấp độ và quy mô khác nhau. GDKN khuyến khích tinh thần doanh nhân, truyền cảm hứng và trao quyền cho người học, giúp họ tìm ra động lực và chủ động hơn trong sự nghiệp và cuộc sống tương lai.

2. Vai trò của GDKN trong đào tạo ngành Quản lý văn hóa

Tầm quan trọng của GDKN trong trường đại học

Hiện nay, nhiều quốc gia đã nhìn nhận năng lực khởi nghiệp là một trong những năng lực thiết yếu của công dân TK XXI, giúp mọi người thực hiện đầy đủ quyền công dân và tham gia tích cực vào đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội (6). Vì vậy, GDKN được đẩy mạnh trong hệ thống giáo dục nhà trường và trong học tập suốt đời, đặc biệt tại các trường đại học. Lịch sử hình thành và phát triển GDKN trên thế giới cho thấy các khóa học khởi nghiệp đầu tiên được tổ chức tại Trường Kinh doanh Harvard, Hoa Kỳ vào năm 1947. Sau đó, các chương trình GDKN đã phát triển nhanh chóng trên quy mô toàn cầu, đặc biệt trong những thập kỷ gần đây. Khởi nghiệp đã trở thành một môn học độc lập, ngành học độc lập bên cạnh việc được tích hợp vào nhiều môn học và ngành học khác (7). Theo Hiệp hội Nghiên cứu khởi nghiệp toàn cầu, GDKN ở bậc phổ thông và đại học là 2 trong 12 thành tố tạo nên hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia. Như vậy, GDKN trong trường đại học là

nhân tố không thể thiếu cho sự hình thành và phát triển một hệ sinh thái khởi nghiệp hoàn chỉnh và lành mạnh. Các nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa GDKN và sự gia tăng của các công ty khởi nghiệp, dẫn đến phát triển kinh tế khu vực và tạo những thay đổi xã hội tích cực. Vì vậy, khởi nghiệp và GDKN được coi là giải pháp góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, kích thích tăng trưởng kinh tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (8).

Ở nước ta, Chính phủ đã khẳng định tầm quan trọng của GDKN trong giáo dục đại học và ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ. Đề án *Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025* của Thủ tướng Chính phủ (2017) đã chỉ rõ mục tiêu: “Thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên và trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên trong thời gian học tập tại các nhà trường. Tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ học sinh, sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp” (9). Trên cơ sở đó, năm 2018, Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025, chỉ đạo các trường đưa khởi nghiệp vào chương trình chính khóa nhằm tạo chuyển biến đột phá về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (10). Vừa qua, Bộ GDĐT đã tổng kết 7 năm triển khai Đề án và được Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ đạo: “tăng tốc khởi nghiệp trong nhà trường”, “khởi nghiệp không có giới hạn với tinh thần thần tốc, táo bạo” để “đưa Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo” (11). Như vậy, GDKN đã trở thành nhiệm vụ cấp bách của các trường đại học nước ta, không chỉ nhằm thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược phát triển của nhà trường mà còn góp phần đắc lực vào việc thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tính cấp thiết của GDKN trong đào tạo ngành Quản lý Văn hóa (QLVH)

Mục tiêu và nhiệm vụ của đào tạo ngành QLVH là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho quản lý nhà nước về văn hóa và quản lý các thiết chế, doanh nghiệp văn hóa. Đào tạo các nhà QLVH, dù làm việc ở khu vực nhà nước, tư nhân hay hỗn hợp đều phải đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, ngành nghề và xã hội. Đó là việc hướng tới thực hiện các mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đặc biệt là nhiệm vụ “xây

dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam” (12).

GDKN trong đào tạo QLVH sẽ phát triển năng lực khởi nghiệp cho sinh viên thông qua việc trang bị các kiến thức, kỹ năng và góp phần hình thành thái độ, mức độ tự chủ phục vụ khởi sự kinh doanh và dẫn dắt khởi nghiệp. *Một là*, về kiến thức, GDKN nâng cao nhận thức về khởi nghiệp, xây dựng nền tảng cần thiết như tư duy khởi nghiệp, chiến lược, phương thức, quy trình, nguồn lực cho khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; *Hai là*, về kỹ năng, GDKN trang bị cho sinh viên QLVH các kỹ năng phát hiện cơ hội, xây dựng ý tưởng và sáng kiến kinh doanh, lập kế hoạch, triển khai, ra quyết định, quản trị rủi ro trong các dự án khởi nghiệp văn hóa, nghệ thuật; *Ba là*, về thái độ, GDKN bồi đắp cho sinh viên QLVH tinh thần doanh nhân, ý chí tự chủ, tự chịu trách nhiệm, dám thân, dám nghĩ dám làm, kiên trì theo đuổi mục tiêu cũng như thái độ có trách nhiệm với cộng đồng và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

Chính vì vậy, tăng cường và đẩy mạnh GDKN là nhu cầu cấp thiết trong đào tạo ngành QLVH ở nước ta hiện nay. GDKN góp phần đào tạo những cán bộ quản lý nhà nước tâm huyết và am hiểu về khởi nghiệp để có thể hoạch định chính sách, định hướng, quản lý và thúc đẩy phong trào khởi nghiệp trong ngành VH-TDL, tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội cho địa phương và quốc gia. GDKN cũng góp phần đào tạo các nhà quản lý doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp năng động, có đầy đủ tố chất doanh nhân để dẫn dắt đội mới sáng tạo, tham gia khởi tạo và thúc đẩy các doanh nghiệp công nghiệp văn hóa, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh cho sản phẩm và dịch vụ văn hóa Việt Nam. Có thể thấy, GDKN sẽ góp phần đào tạo một thế hệ mới các nhà QLVH, tham gia trực tiếp vào tiến trình đổi mới phương thức quản lý nhà nước về văn hóa và cải tiến mô hình quản trị, điều hành các thiết chế, doanh nghiệp văn hóa trong cả nước.

3. Thực trạng GDKN trong đào tạo ngành QLVH ở nước ta hiện nay

Thực trạng GDKN trong đào tạo ngành QLVH được thể hiện rõ qua chương trình đào tạo (CTĐT), bao gồm: mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc và nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy - đánh giá kết quả học tập và các nguồn lực phục vụ đào tạo (13). Nghiên cứu khảo sát 8 CTĐT ngành QLVH bậc đại học của 8 cơ sở giáo dục đại học trong cả nước (xếp theo thứ tự chữ cái tên trường):

Học viện Hành chính quốc gia (T1), Trường Đại học Đồng Tháp (T2), Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương (T3), Trường Đại học Tân Trào (T4), Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (T5), Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh (T6), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (T7) và Trường Đại học Vinh (T8). Kết quả khảo sát như sau:

Mục tiêu đào tạo: là kỳ vọng của cơ sở đào tạo về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp, bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học. Chỉ có 1/8 trường (12,5%) đề cập đến nội dung về khởi nghiệp trong mục tiêu đào tạo như: “có đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp” (T2).

Chuẩn đầu ra: là những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành CTĐT. Hiện, chỉ có 2/8 trường (25%) đã xây dựng chuẩn đầu ra về khởi nghiệp như: “có năng lực phát triển bản thân, tinh thần khởi nghiệp và tham gia phục vụ cộng đồng” (T2), “dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác” (T4).

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: có 5/8 trường (62,5%) khẳng định sinh viên có thể khởi nghiệp: “tự thành lập công ty, nhân viên độc lập cho các chương trình, sự kiện hay dự án văn hóa nghệ thuật” (T2), “thành lập các công ty biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện, mở các phòng tranh” (T4), “có thể thành lập các trung tâm nghệ thuật, vũ đoàn, nhóm/ban nhạc, công ty truyền thông, công ty tổ chức sự kiện, biểu diễn nghệ thuật” (T5)...

Nội dung và cấu trúc các học phần: trong khi 8/8 trường (100%) đã thiết kế các học phần liên quan đến khởi nghiệp do đặc thù của ngành QLVH như: Kinh tế học văn hóa, Quản trị dịch vụ văn hóa, Marketing văn hóa nghệ thuật, Quản lý dự án văn hóa, Văn hóa doanh nghiệp, Quản lý thị trường văn hóa... thì chỉ có 2/8 trường (25%) đưa vào CTĐT các học phần trực tiếp về khởi nghiệp như: Khởi nghiệp (T2) và Khởi sự kinh doanh (T4).

Các nguồn lực cho GDKN: đặc biệt là học liệu, qua khảo sát trang web của các trường, nhận thấy chỉ có 3/8 trường (37,5%) có các mục thông tin liên quan trực tiếp đến khởi nghiệp như: mục Khởi nghiệp sáng tạo cung cấp các tài liệu khởi nghiệp và thông tin, hoạt động khởi nghiệp (T5), mục Sinh viên - Khởi nghiệp (T6), Trung tâm thực nghiệm và chuyển giao công nghệ - có thể phục vụ GDKN cho đào tạo ngành QLVH và nhiều ngành khác trong nhà trường (T4).

Như vậy, vấn đề GDKN trong đào tạo ngành QLVH ở nước ta đã bắt đầu được các cơ sở giáo dục đại học quan tâm, thể hiện ở việc nhiều trường đã đưa ra kỳ vọng sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể khởi nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Tất cả các trường được khảo sát đã thiết kế và giảng dạy một số học phần liên quan, có thể hỗ trợ cho khởi nghiệp; tuy nhiên, thực tế đó có thể một phần do đặc thù của nội dung đào tạo ngành QLVH. Đây có thể coi là nhân tố thuận lợi để phát triển GDKN trong đào tạo QLVH.

Tuy nhiên, nhận thức về tầm quan trọng, cam kết trong hoạch định chiến lược và triển khai thực hiện cũng như mức đầu tư cho GDKN trong đào tạo QLVH ở nước ta còn chưa tương xứng với vị trí, vai trò, tiềm năng và yêu cầu của GDKN. Hiện rất ít trường chú trọng đặt ra mục tiêu khởi nghiệp và các chuẩn đầu ra về năng lực khởi nghiệp cho sinh viên. Việc CTĐT còn thiếu các học phần trực tiếp về khởi nghiệp và chỉ có một số ít môn học liên quan sẽ không cung cấp đủ kiến thức, kỹ năng và bồi dưỡng thái độ để sinh viên có thể khởi nghiệp thuận lợi sau khi ra trường.

Hiện nay, có thể thấy Trường Đại học Đồng Tháp là cơ sở giáo dục đại học triển khai GDKN trong đào tạo QLVH khá hệ thống và toàn diện, từ việc xác định mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm đến xây dựng chương trình giảng dạy đã chú trọng đến khởi nghiệp. Hy vọng, trong thời gian tới, mô hình này sẽ được hoàn thiện và nhân rộng trong đào tạo ngành QLVH ở nước ta.

4. Giải pháp tăng cường GDKN trong đào tạo ngành QLVH

Để tăng cường, thúc đẩy và nâng cao chất lượng, hiệu quả của GDKN trong giáo dục đại học nói chung và đào tạo ngành QLVH nói riêng cần có quan điểm tiếp cận tổng thể, mang tính hệ thống, nhấn mạnh vào trách nhiệm và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan, đặc biệt là “ba nhà” - Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp. Nhà nước đảm nhiệm chức năng hoạch định chính sách, hoàn thiện cơ chế, thể chế, tạo khuôn khổ pháp lý phù hợp để hỗ trợ sinh viên phát triển ý tưởng, sáng tạo sản phẩm, dịch vụ và tiếp cận thị trường. Doanh nghiệp cần tăng cường đồng hành và kết nối với nhà trường và sinh viên, tham gia tích cực vào quá trình đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ thực tế, thực hành, truyền tải kinh nghiệm, cảm hứng để dẫn dắt thế hệ trẻ khởi nghiệp. Tuy nhiên, hơn ai hết, các trường đại học cần nỗ lực, chủ động, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi phương thức thực hành cũ

để nhanh nhạy nắm bắt và triển khai tầm nhìn khởi nghiệp, phát triển GDKN, xây dựng thành công phong trào khởi nghiệp và văn hóa khởi nghiệp trong nhà trường.

Xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra về năng lực khởi nghiệp trong CTĐT

Để đưa GDKN vào đào tạo ngành QLVH, đầu tiên cần lồng ghép, tích hợp nội dung về khởi nghiệp vào mục tiêu đào tạo của CTĐT. Chẳng hạn, có thể bổ sung nội dung như: “Đào tạo cử nhân ngành QLVH có kiến thức, kỹ năng và tinh thần khởi nghiệp để có thể hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực văn hóa”. Tiếp đó, cần bổ sung hoặc lồng ghép các nội dung liên quan đến năng lực khởi nghiệp trong các chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QLVH, ví dụ: sinh viên có thể nắm bắt cơ hội để đáp ứng nhu cầu, tạo ra giá trị, tìm ra các lựa chọn cấp vốn và quản lý ngân sách cho hoạt động tạo giá trị... Các mục tiêu và chuẩn đầu ra này sẽ là định hướng, là cơ sở cho việc thiết kế nội dung GDKN cũng như lựa chọn phương pháp giảng dạy và đánh giá trong thực hiện CTĐT.

Thiết kế nội dung GDKN

Trong CTĐT ngành QLVH có thể thiết kế thêm các học phần như: Khởi nghiệp, Khởi nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... với nội dung cung cấp kiến thức cơ bản và trang bị kỹ năng, hình thành và phát triển các năng lực cần thiết cho khởi nghiệp trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Bên cạnh đó, nội dung giảng dạy về khởi nghiệp có thể và cần được lồng ghép trong các môn học khác trong CTĐT. Ví dụ: Trong các môn học Quản lý nhà nước về văn hóa, Chính sách văn hóa có thể đưa thêm nội dung về chính sách và thực tiễn quản lý, thúc đẩy khởi nghiệp trong khu vực văn hóa nghệ thuật. Các học phần: Các ngành công nghiệp văn hóa, Quản lý nghệ thuật biểu diễn, Quản lý mỹ thuật... có thể bổ sung các nội dung về khởi nghiệp trong lĩnh vực tương ứng như khởi nghiệp trong công nghiệp văn hóa, trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật... sẽ rất sinh động và thiết thực. Mặt khác, cần gia tăng các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên nhằm tạo cơ hội tiếp xúc với thực tiễn khởi nghiệp, thực tế sản xuất, kinh doanh, thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ văn hóa nghệ thuật, tổ chức sự kiện, hoạt động truyền thông... giúp người học tích lũy kinh nghiệm và bài học thực tế. Hoạt động ngoại khóa cần được thiết kế cho tổng thể CTĐT, đặc biệt trong các đợt kiến tập và thực tập nghề nghiệp cũng như trong các môn học chuyên ngành.

Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

Đề đảm bảo chất lượng và hiệu quả GDKN cần tăng cường các phương pháp dạy học tương tác, mang tính trải nghiệm như sử dụng mô hình đóng vai, phương thức “vừa học vừa làm”, học tập thông qua dự án, hoạt động tư vấn và hỗ trợ thực hành. Phương thức đánh giá đối với học phần về khởi nghiệp nên theo cách thức thực hiện dự án, đề án khởi nghiệp. Chẳng hạn, có thể giao cho các nhóm sinh viên nghiên cứu thị trường, phát hiện nhu cầu thực tế về văn hóa nghệ thuật ở địa phương, từ đó phát triển ý tưởng khởi nghiệp có triển vọng, lựa chọn, hoàn thiện ý tưởng và xây dựng dự án khởi nghiệp cụ thể. Như vậy, có thể đánh giá được năng lực khởi nghiệp của sinh viên một cách xác thực, toàn diện, đồng thời tạo tiền đề cho thực tế khởi nghiệp của sinh viên sau khi ra trường.

Phát triển các nguồn lực cho GDKN

Đội ngũ giảng viên cần được bồi dưỡng và nâng cao kinh nghiệm thực tiễn, khả năng thực hành cũng như năng lực tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên. Bên cạnh nguồn giảng viên cơ hữu, cần có cơ chế mời các doanh nhân, chuyên gia đã khởi nghiệp thành công trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật đến thỉnh giảng, nói chuyện chuyên đề để truyền cảm hứng, tạo động lực và chuyển giao những bí quyết nghề nghiệp, kinh nghiệm chân thực cho sinh viên. Để hỗ trợ việc nghiên cứu, học tập và thực hành khởi nghiệp của sinh viên, Nhà trường cần phát triển nguồn học liệu phong phú về khởi nghiệp, triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến và tài nguyên số. Xây dựng và cung cấp cơ sở hạ tầng với trang thiết bị hiện đại, hỗ trợ sinh viên phát triển sáng kiến, nghiên cứu và thử nghiệm sản phẩm, tác nghiệp hoạt động kinh doanh như phòng thí nghiệm, phòng thực hành, câu lạc bộ sinh viên khởi nghiệp, vườn ươm tạo doanh nghiệp... Đẩy mạnh hợp tác, tăng cường gắn kết giữa trường đại học và các doanh nghiệp văn hóa, công ty tổ chức sự kiện, trung tâm văn hóa nghệ thuật thông qua nhiều hình thức như liên kết và hỗ trợ đào tạo, hợp tác nghiên cứu, chuyển giao tri thức, tiếp nhận và hướng dẫn sinh viên thực tập, tạo cơ hội cho sinh viên cùng tham gia biên đạo, tổ chức và dàn dựng các chương trình, sự kiện văn hóa, nghệ thuật... Các trường đại học cũng cần hợp tác chặt chẽ với nhau và với các tổ chức khác để xây dựng và phát triển hệ sinh thái hay mô hình “Mạng lưới giáo dục và đào tạo khởi nghiệp” nhằm kết nối nhà trường, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, quỹ đầu tư, hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức trung gian... nhằm hỗ trợ và thúc đẩy phong trào khởi nghiệp trong sinh viên.

5. Kết luận

Phát triển GDKN trong đào tạo ngành QLVH là nhu cầu cấp bách, đồng thời, là hướng đi thiết thực để giáo dục thế hệ trẻ, đảm bảo năng lực hoạt động thành công trong các bối cảnh xã hội đa dạng và thay đổi nhanh chóng hiện nay. Tăng cường và đẩy mạnh GDKN sẽ góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo QLVH, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ■

P.T.B.H

1, 3. European Union, *Entre Comp: The Entrepreneurship Competence Framework (Khung Năng lực khởi nghiệp)*, europa.eu, 2017, tr.5, 6.

2, 6. European Union, *Key Competences for lifelong learning (Những năng lực then chốt cho học tập suốt đời)*, op.europa.eu, 2019, tr.13, 4.

4. OECD-Potter, Jonathan (biên tập), *Entrepreneurship and Higher Education (Khởi nghiệp và Giáo dục đại học)*, OECD, 2008, tr.16.

5. The World Bank - Valerio, Alexandria; Parton, Brent; Robb, Alicia, *Entrepreneurship Education and Training Programs around the World: Dimensions for Success (Các chương trình giáo dục và đào tạo khởi nghiệp trên thế giới: khía cạnh cho thành công)*, worldbank.org, 2014.

7, 8. Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia, *Tổng luận: Giáo dục và đào tạo khởi nghiệp hiện nay trên thế giới*, vista.gov.vn, 2018.

9. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30-10-2017 về việc phê duyệt Đề án *Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025*, vanban.chinhphu.vn, 2-6-2025.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định số 1230/QĐ-BGDĐT ngày 30-3-2018 về việc ban hành *Kế hoạch triển khai Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025*, 21-4-2020.

11. Trần Huỳnh, *Thủ tướng Phạm Minh Chính: Khởi nghiệp của sinh viên chưa tương xứng với tiềm năng*, tuoitre.vn, 20-4-2025.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.25.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT *Quy định về chương trình đào tạo của giáo dục đại học*, vanban.chinhphu.vn, 2-6-2025.

Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Văn hóa, *Chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy ngành Quản lý văn hóa của một số cơ sở giáo dục đại học trong nước*, huc.edu.vn, 25-8-2020.